

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tư.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2023 về việc: **“Ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Y, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

- Bị đơn: Anh Sầm Mạnh H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Chị Y và anh H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị Y trình bày: Chị và anh H về chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến ngày 21/9/2005 hai bên mới tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình chung sống giữa chị và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H không lo làm ăn và không tôn trọng chị dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Từ năm 2013 chị và anh H đã sống ly thân phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài nên chị Y yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Y và anh H có 02 con chung tên Sầm Thuý K, sinh ngày 01/01/1999 và Sầm Long P, sinh ngày 03/12/2004. Hiện các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh H có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thoả thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà bị đơn anh Sầm Mạnh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Y đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2005.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn như chị Y đã trình bày. Nguyên nhân chính là do vợ chồng khác nhau về quan điểm sống và suy nghĩ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng. Anh và chị Y đã không còn chung sống với nhau tính đến nay đã được hơn 10 năm, ai cũng có cuộc sống riêng và không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Tuy nhiên, giữa anh và chị Y còn một số việc riêng cần phải giải quyết nên anh không đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh H và chị Y có 02 con chung tên Sầm Thuý K, sinh ngày 01/01/1999 và Sầm Long P, sinh ngày 03/12/2004. Hiện các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị Y có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thoả thuận giải quyết với nhau nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Trích lục kết hôn mang tên Nông Thị Y và Sầm Mạnh H (bản sao); 02 Căn cước công dân mang tên Nông Thị Y và Sầm Mạnh H (đều là bản pho to); 01 Giấy khai sinh mang tên Sầm Thuý K (bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Sầm Long P (bản pho to);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh H và chị Y tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2005. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị Y giao nộp là bản sao 01 Trích lục kết hôn mang tên Nông Thị Y và Sầm Mạnh H. Anh H và chị Y có 02 con chung Sầm Thuý K, sinh ngày 01/01/1999 và Sầm Long P, sinh ngày 03/12/2004. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị Y giao nộp là 01 Giấy khai sinh mang tên Sầm Thuý K (bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Sầm Long P (bản pho to);

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị Y được ly hôn với anh Sầm Mạnh H.

Về án phí: Chị Nông Thị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

(*Có kèm theo bài phát biểu*)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc “*Ly hôn*” giữa chị và anh Sầm Mạnh H có địa chỉ tại thôn 4, xã S, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Y và anh Sầm Mạnh H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Y:

Trong quá trình chung sống giữa chị và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh H và chị Y đã ly thân với nhau tính đến nay đã được hơn 10 năm, ai cũng có cuộc sống riêng và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Điều này cũng đã được anh H thừa nhận tại phiên tòa giải và tại phiên tòa. Việc anh H lấy lý do phải giải quyết xong việc riêng giữa anh và chị Y thì anh mới đồng ý ly hôn không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bên cạnh đó, tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 01/8/2023 thể hiện là hiện nay chị Y và anh H đã không còn chung sống cùng với nhau nữa.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Y, xử cho chị Y được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị Y và anh Sầm Mạnh H có 02 con chung tên Sầm Thuý K, sinh ngày 01/01/1999 và Sầm Long P, sinh ngày 03/12/2004. Hiện nay các con K và P đều đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị Y và anh Sầm Mạnh H đều trình bày là có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên cả hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Y.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị Y được ly hôn với anh Sầm Mạnh H.

[2] Về án phí: Chị Nông Thị Y phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003832 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Chị Nông Thị Y đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/9/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc